

Bản án số: 24 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT – TP.HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tàn;

Bà Nguyễn Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Hương Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên tòa:
Bà Vi Thị Ngọc Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 165/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019, về việc ly hôn; tranh chấp nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn 10, xã C , huyện T , TP. H .

Có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Ông Đỗ Hồng S, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Thôn Rộc Đoài, xã Đ , huyện T , TP. H .

Vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị P trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị P và ông Đỗ Hồng S tự nguyện kết hôn ngày 15/4/2003 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông S suốt ngày say xỉn không quan tâm tới vợ con, nhiều lần say rượu về đánh chửi bà P, ngoài ra ngay từ khi vợ chồng kết hôn đã không được sự đồng ý của gia đình ông S nên mẹ con bà P không được gia đình ông S quan tâm, tạo điều kiện cho chỗ ở, từ đó ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng.

Bà P, ông S chính thức ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Đỗ Hồng S có một con chung là cháu Đỗ Thùy Th, sinh ngày 27/2/2004, hiện nay cháu do bà P nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà P đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được nuôi con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 10/7/2019, ông Đỗ Hồng S trình bày như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị P tự nguyện kết hôn ngày 15/4/2003 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Khi kết hôn gia đình ông hoàn toàn đồng ý. Sau khi kết hôn ông và bà P chung sống không có mâu thuẫn gì, chỉ có mâu thuẫn giữa bà P và gia đình ông S. Việc bà P nói ông thường xuyên uống rượu về đánh đập vợ con là không đúng. Bà P đã tự bỏ đi khỏi nhà và ông bà chính thức ly thân từ năm 2017 đến nay. Lý do sống ly thân là do bà P được nghỉ hưu đi làm thêm và ở luôn nơi làm thêm. Nay ông S khẳng định giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên ông S không đồng ý ly hôn bà P.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đỗ Thùy Thương, sinh ngày 27/2/2004. Sau khi ly hôn ông S đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc thực hiện tố tụng của Tòa án: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại quy định Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay ông Đỗ Hồng S vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông S là có căn cứ.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị P và ông Đỗ Hồng S kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do ông S thường xuyên uống rượu say sưa, không quan tâm tới gia đình. Nay bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu được ly hôn. Ông S cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn lớn vẫn còn khả năng đoàn tụ nên ông không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa ông S, bà P đã căng thẳng, ông bà hiện đã sống ly thân, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hoà giải nhiều lần nhưng bà P vẫn kiên quyết xin ly hôn và ông S cũng không có biện

pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P, xử bà P ly hôn ông S.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Đỗ Hồng S có một con chung là cháu Đỗ Thùy Thương, sinh ngày 27/2/2004. Bà P có đủ điều kiện nuôi con và có nguyện vọng được nuôi con. Ông S không có thu nhập ổn định, thường xuyên rượu chè, không chăm lo cho gia đình. Mặt khác, hiện nay cháu Thương đang được bà P nuôi dưỡng và có nguyện vọng được tiếp tục ở với bà P nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà P trực tiếp chăm sóc cháu Thương là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Bà P và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Ông Đỗ Hồng S cư trú tại xã Đại Đồng, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đỗ Hồng S đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là có căn cứ theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Đỗ Hồng S kết hôn hợp pháp. Theo bà P thì vợ chồng sống không hạnh phúc, ông S thường xuyên uống rượu say, không quan tâm tới gia đình. Từ đó dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, bà P đã bỏ về quê ngoại để ở, mặc dù đã được hai bên nội ngoại hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện mà ngày càng căng thẳng hơn và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn ông S. Bản thân ông S không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và không đồng ý ly hôn. Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi bà P và ông S sinh sống thì ông S thường xuyên say rượu, không chăm lo gia đình, vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và thực tế thì ông S và bà P đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà P, cho bà P được ly hôn ông S phù hợp với Điều 51, Điều 56 và Điều 57 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3].Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Đỗ Thùy Thương, sinh ngày 27/2/2004 hiện nay cháu đang do bà P nuôi dưỡng. Nay ly

hôn bà P có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét điều kiện nuôi con thì bà P hiện có công việc làm có thu nhập ổn định, có thể bảo đảm cho việc nuôi dưỡng con chung còn ông S thường xuyên ốm đau, bệnh tật (hiện ông S bị tai biến) sức khỏe yếu không thể lao động được nên bà P có điều kiện nuôi con chung tốt hơn ông S. Mặt khác, hiện nay cháu Thương đang có cuộc sống ổn định với bà P và cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với bà P nên cần giao cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu và quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4].Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông S đến khi bà P có yêu cầu.

[5].Về tài sản, công sức, nợ chung: Bà P và ông S không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6].Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P ly hôn ông Đỗ Hồng S.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thùy Thương, sinh ngày 27/2/2004 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho ông S đến khi bà P có yêu cầu. Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà P và ông S không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ đã nộp theo biên lai số AB/2014/06766 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Bà Nguyễn Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án. Ông Đỗ Hồng S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- THADS huyện Thạch Thất;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- UBND xã Cẩm Yên, huyện Thạch Thất.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thủy